

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	5,500 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.8%	-15.4%	-34.5%

Hệ số nguy cơ phá sản	1.61
Z - score (sản xuất)	(B1)
2023	Nguy hiểm

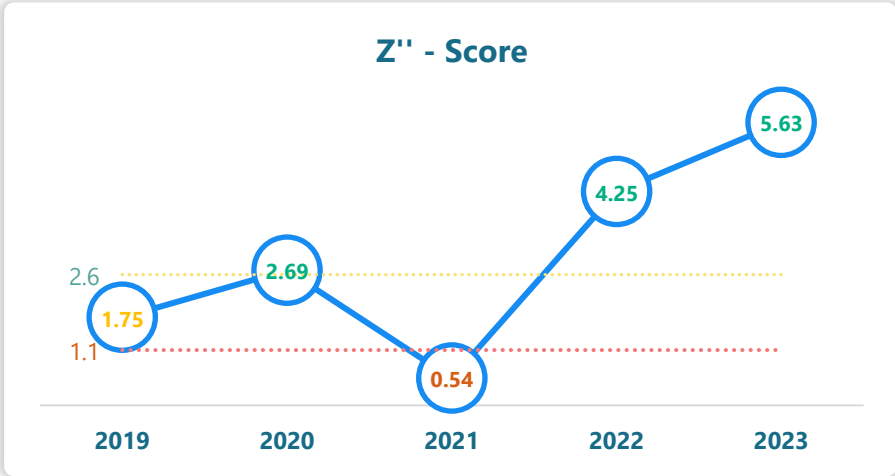
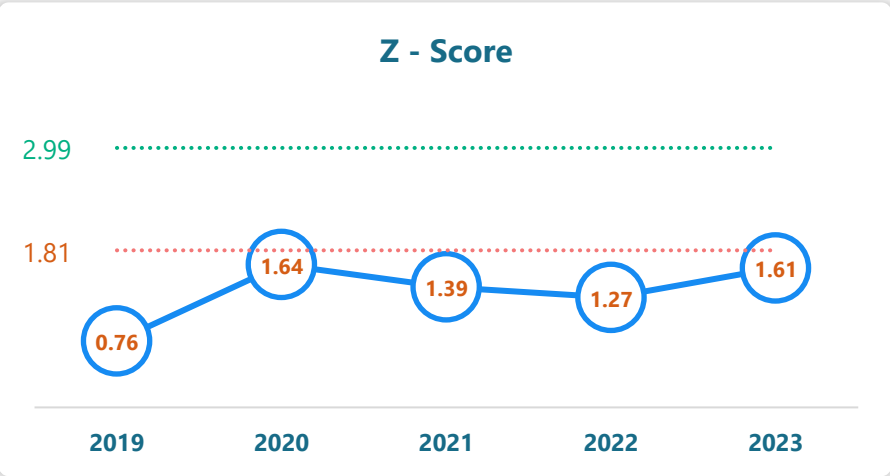
Hệ số nguy cơ phá sản	5.63
Z'' - score (phi sản xuất)	(Aaa)
2023	An toàn

DT thuần	2023	YoY
	215	▼ 35.0
	tỷ VNĐ	▼ 14.2%

LN sau thuế	2023	YoY
	88.4	▲ 130
	tỷ VNĐ	▲ 314%

ROE	2023	+/- YoY
	9.4%	▲ 16.5%

ROA	2023	+/- YoY
	5.6%	▲ 9.1%



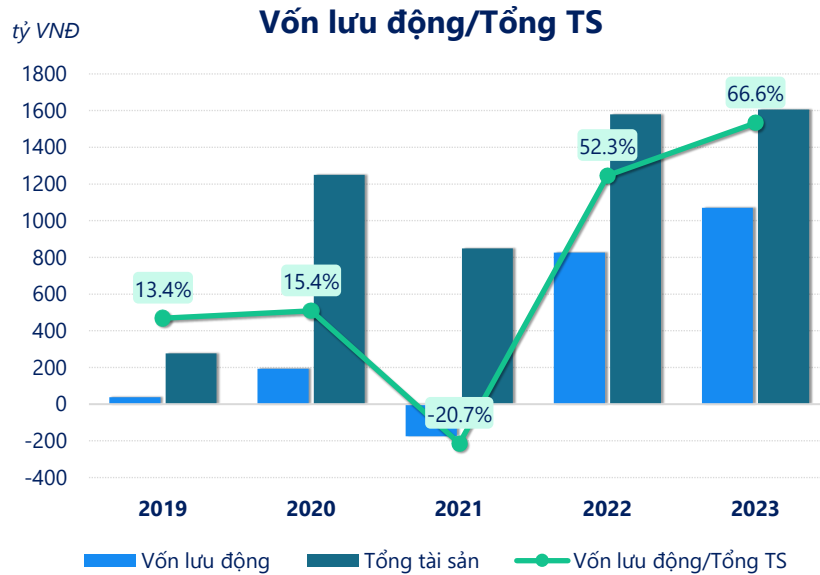
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với **Z-Score** là **1.61 < 1.81**, cho thấy **DGT** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **DGT** năm **2023** đạt **5.63**, cao hơn so với năm 2022 (4.25). **Z''-Score > 2.6**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Năm **2023**, **DGT** ghi nhận doanh thu thuần **214.6** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **88.35** tỷ đồng, lần lượt **giảm 14.2%** và **tăng 314%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

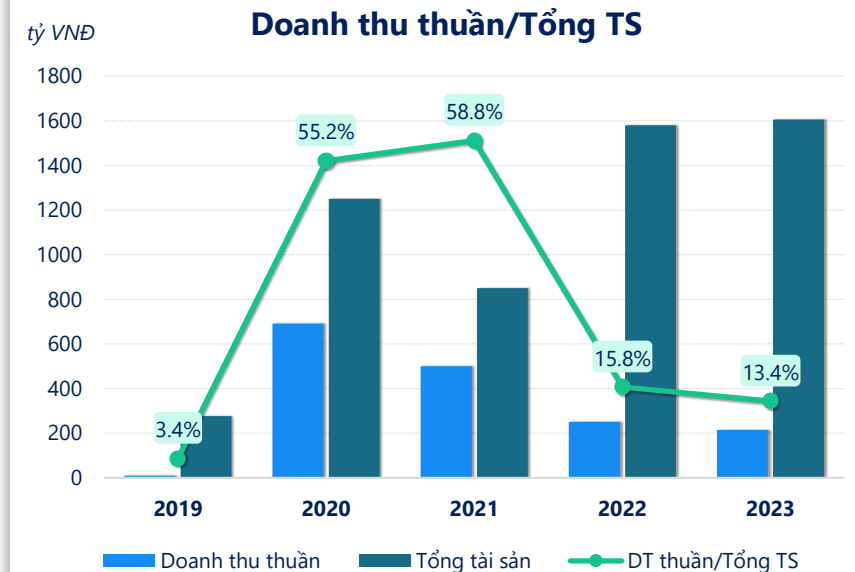
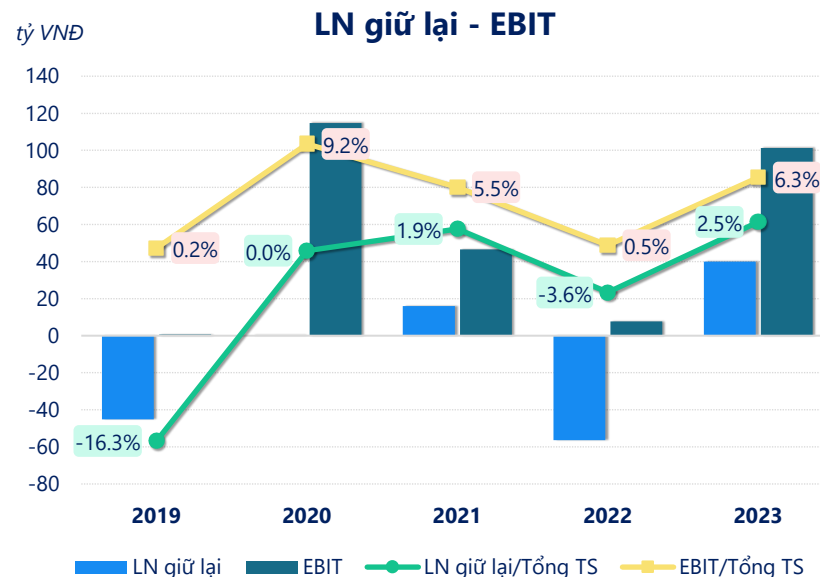
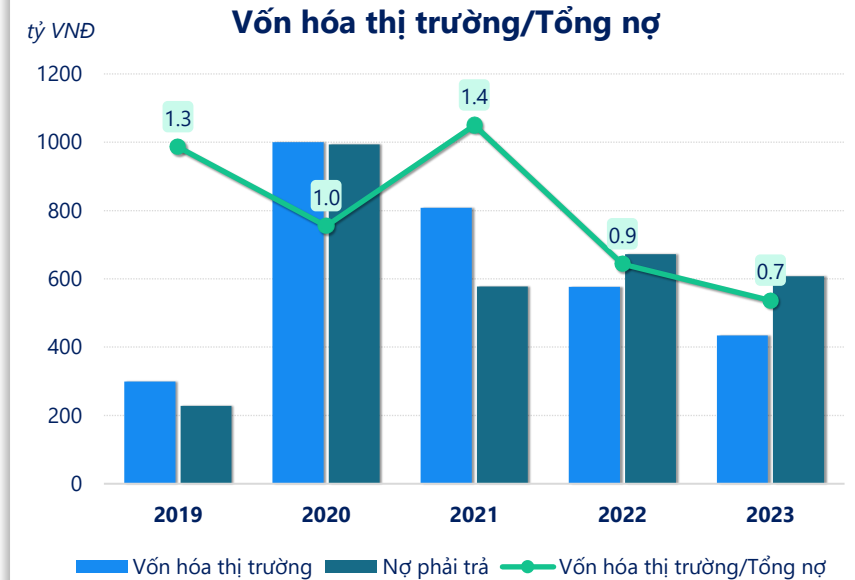
CTCP Công trình giao thông Đồng Nai (UPCOM: DGT)



Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,522	1,580	-3.7%
Tài sản ngắn hạn	1,439	1,146	25.6%
Tiền và tương đương tiền	4.01	254	-98.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,179	675	74.7%
Hàng tồn kho	253	215	17.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	2.09	47.4%
Tài sản dài hạn	82.4	433	-81.0%
Phải thu dài hạn	7.83	4.04	93.8%
Tài sản cố định	60.5	18.7	223%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.93	53.1	-81.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	256	-100%
Tài sản dài hạn khác	104	101	2.6%
Lợi thế thương mại	-99.6	0	
Nợ phải trả	621	673	-7.7%
Nợ ngắn hạn	368	320	15.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.93	6.92	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	195	184	6.1%
Nợ dài hạn	253	353	-28.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	242	346	-30.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	901	907	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	901	907	-0.7%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	9.38	690	499	250	215
Giá vốn hàng bán	8.24	551	432	169	151
Lợi nhuận gộp	1.13	139	67.5	80.7	63.3
Doanh thu HĐTC	3.26	0.86	0.49	4.51	157
Chi phí TC	0	35.5	37.0	67.9	55.0
Chi phí lãi vay	0	26.5	27.6	47.8	12.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.13	0
Chi phí bán hàng	0.51	1.02	0.73	28.7	26.5
Chi phí QLDN	2.54	14.0	11.5	22.8	49.6
LN thuần từ HĐKD	1.33	89.7	18.8	-34.4	89.0
Lợi nhuận khác	-0.65	-1.42	0.11	-5.70	-0.15
LN trước thuế	0.69	88.3	18.9	-40.1	88.9
Lợi nhuận sau thuế	0.69	88.0	15.7	-41.4	88.4
LNST của CĐ cty mẹ	0.69	88.0	15.7	-41.4	90.0

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-105	-242	387	-456	-247
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.3	-8.89	-274	-56.9	67.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	119	248	-91.7	744	-71.1
Tiền đầu kỳ	1.83	3.72	1.34	22.8	255
Lưu chuyển tiền thuần	1.89	-2.38	21.5	232	-251
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.72	1.34	22.8	254	4.01